

Bản án số: 333/2018/HN&GD-ST

Ngày 09/11/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Thư

2. Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hòa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lương Ngọc V, Sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn Tr, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, Sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn Tr, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt anh V, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018; Bản tự khai ngày 04/9/ 2018; Biên bản hòa giải các ngày 26/9/2018; 25/10/2018 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn anh Lương Ngọc V thể hiện như sau:

Tôi (V) kết hôn với cô Lê Thị H năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã Ph, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp nên thường xuyên cãi nhau dẫn tới tình cảm vợ chồng dần nứt, do cuộc sống vợ chồng căng thẳng kéo dài không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lương Nguyên Kh, sinh ngày 12/10/2013. Nay ly hôn nguyện vọng của tôi là được nuôi con, vì hiện nay tôi lái xe taxi nên thu nhập hàng tháng của tôi là 15.000.000 đồng đảm bảo nuôi được con, vì vậy tôi không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con. Anh V cho rằng anh có đầy đủ điều kiện về thu nhập cũng như nơi ăn chốn ở nên anh V đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ, để chứng minh điều kiện đảm bảo nuôi con tốt nhất.

Ngày 16/10/2018 Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xã Ph cùng làm việc với ông Lương Quốc Tr (bố đẻ của anh V) đại diện gia đình anh xác minh thu thập chứng cứ theo đơn yêu cầu của anh V. Đại diện địa phương cũng như ông Tr đều xác nhận anh V làm nghề lái taxi, không xác định được thu nhập, hiện nay anh V đang sống cùng bố mẹ và anh V hiện tại không có đất đai hoặc nhà cửa trên địa bàn xã Ph.

Về tài sản: Vợ chồng tôi có tài sản chung gồm có 01 chiếc xe ô tô biển số 36N-1029 hiện nay đang đứng tên Lê Ngọc H mua năm 2014 giá trị còn lại là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Tôi được quyền sử dụng chiếc xe ô tô và có trách nhiệm giao lại cho cô H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán số tiền trên cho cô H vào 30 tháng 11 năm 2018.

Theo bản tự khai của chị Lê Thị H ngày 12/9/2018; Biên bản hòa giải các ngày 26/9/2018; 25/10/2018 và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện như sau:

Tôi và anh Lương Ngọc V kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã Ph, huyện H cấp đăng ký kết hôn, sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và anh V đánh đập tôi rất nhiều lần. Đầu năm 2015 vợ chồng sống ly thân một thời gian. Trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình đã hòa giải nên vợ

chồng đã trở về đoàn tụ được một thời gian sau đó lại mâu thuẫn. Nay anh V làm đơn ly hôn, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng dần nứt từ lâu không thể níu kéo được nữa, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lương Nguyên Kh, sinh ngày 12/10/2013, hiện nay cháu đang ở với tôi, nay ly hôn nguyện vọng của tôi là muốn được nuôi con. Trước đây tôi kinh doanh nhưng hiện tại tôi đang làm ở công ty may, thu nhập hàng tháng của tôi là trên 18.000.000 đồng, tôi yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về tài sản: Vợ chồng tôi có tài sản chung gồm có 01 chiếc xe ô tô biển số 36N-1029 hiện nay đang đứng tên Lê Ngọc H mua năm 2014 giá trị còn lại là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Anh V được quyền sở hữu chiếc xe và anh V có trách nhiệm giao lại cho tôi số tiền chênh lệch là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Thời gian giao tiền là vào ngày 30/11/2018. Tôi đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chúng tôi.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát;

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về trình tự tố tụng và việc tuân theo pháp luật.

- Về nội dung: Về hôn nhân thì mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị H đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh V được ly hôn chị H; về con chung, do cháu Lương Nguyên Kh đang ở cùng chị H, chị H có mức thu nhập ổn định nên đề nghị HĐXX giao cháu Lương Nguyên Kh cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ là quá cao so với nghề nghiệp lao động tự do của anh V nên đề nghị HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của anh V đối với cháu Lương Nguyên Kh là 1.000.000đ/tháng; Về tài sản đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự về việc chia tài sản chung và buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hôn nhân: Anh Lương Ngọc V và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy về hôn nhân giữa anh V và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh V sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp nên đã thường xuyên cãi nhau dẫn tới tình cảm vợ chồng dần nứt, do cuộc sống vợ chồng căng thẳng kéo dài không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Theo chị H thì chị thừa nhận ý kiến của anh V là đúng thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay và trước đó vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân một thời gian dài sau đó vợ chồng lại đoàn tụ, anh V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị H đã xảy ra từ lâu sau đó vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng đến đầu năm 2018 lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh V chị H cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng hai vợ chồng vẫn không hòa hợp được chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị H đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V và chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị H là phù hợp với tình trạng thực tế hôn nhân hiện nay.

[2]Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Nguyên Kh, sinh ngày 12/10/2013. Ly hôn cả chị H và anh V đều có nguyện vọng là muốn được nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cả anh V và chị H đều chính đáng và cũng là xuất phát từ tình mẫu tử, yêu thương con nhưng để đảm bảo một điều kiện tốt nhất cho cuộc sống và sự phát triển của cháu cần xem xét một cách toàn diện.

Xét về điều kiện của anh V thì thấy anh V cho rằng anh làm nghề lái taxi, thu nhập hàng tháng của anh là 15.000.000đ/ tháng và anh có nơi ăn chốn ở nhưng thực tế địa phương và gia đình anh V đều xác nhận anh V không có nhà và đất ở trên địa bàn xã Ph mà hiện nay anh đang sống cùng bố mẹ. Ông Tr là bố đẻ của anh V cũng không biết mức thu nhập của anh V là bao nhiêu nên căn cứ anh V đưa ra là không thuyết phục vì vậy không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh V.

Xét về điều kiện của chị H Hội đồng xét xử thấy rằng theo biên bản xác nhận mức lương của Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết bị Ngành may Hiền Nguyên có trụ sở tại khu đô thị Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội thì chị H có mức thu nhập ổn định bình quân là 18.000.000đ/tháng, với mức thu nhập như vậy chị H có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nơi ăn chốn ở và cuộc sống hàng ngày của hai mẹ con, bên cạnh đó thì hiện nay cháu Lương

Nguyên Kh đang ở cùng với chị H, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu cần giao cháu Lương Nguyên Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con chung là nghĩa vụ của cả bố và mẹ, chị H là người trực tiếp nuôi con cũng phải có trách nhiệm về tài chính nên mức yêu cầu của chị H mỗi tháng 3.000.000đ là hơi cao so với mức thu nhập của người lao động tự do của anh V nên cần chấp nhận và buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2018.

[3] Về tài sản: Vợ chồng anh V, chị H có tài sản chung gồm có 01 chiếc xe ô tô biển số 36N- 1029 hiện nay đang đứng tên Lê Ngọc H mua năm 2014 giá trị còn lại là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Anh V được quyền sở hữu chiếc xe và anh V có trách nhiệm giao lại cho chị H số tiền chênh lệch là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Thời gian giao tiền là vào ngày 30/11/2018. Sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh V và chị H về việc chia tài sản chung.

Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 357 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1].*Về hôn nhân:* Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Ngọc V và chị Lê Thị H.

[2].*Về con:* Công nhận cháu Lương Nguyên Kh, sinh ngày 12/10/2013 là con chung của anh V và chị H.

Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lương Nguyên Kh. Anh V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở nhưng anh V cũng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi cháu Lương Nguyên Kh mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu Lương Nguyên Kh thành niên.

[3]. Về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản giữa anh Lương Ngọc V và chị Lê Thị H như sau:

Anh V được quyền sở hữu chiếc xe ô tô biển số 36N- 1029 hiện nay đang đứng tên Lê Ngọc H và anh V có trách nhiệm giao lại cho chị H số tiền chênh lệch là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Thời gian giao tiền là vào ngày 30/11/2018. Anh V có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với xe ô tô biển số 36N- 1029.

Kể từ ngày đến hạn thanh toán, chị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh V còn phải chịu lãi theo mức lãi xuất 10% năm tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

[4]. Về án phí: Anh Lương Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 4369 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa anh V còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- UBND xã
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa